

Ngày 05/02/2018

**Phòng phân tích  
Công ty cổ phần  
Chứng Khoán Phú Hưng**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật  
Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM  
Điện thoại: (84-28) 5 413 5472  
Fax: (84-28) 5 413 5472  
Customer Service: (84-28) 5 411 8855  
Call Center: (84-28) 5 413 5488  
E-mail: info@phs.vn/support@phs.vn  
Web: www.phs.vn

Thị trường rung lắc mạnh tại vùng đỉnh khiến tâm lý nhà đầu tư khá e dè trong việc giải ngân mới. Hai chỉ số kết tuần trong sắc đỏ với thanh khoản sụt giảm đáng kể so với tuần trước. Lực mua của khối ngoại trên HSX cũng giảm mạnh và khối này tiếp tục bán ròng trên HNX.

Trong tuần, VN-Index dao động quanh ngưỡng 1,100 điểm và chốt tuần tại 1,105.04 điểm (-0.95%) với sự phân hóa mạnh diễn ra ở hầu hết các nhóm ngành. KLGĐ KL bình quân mỗi phiên đạt 253.9 triệu cổ phiếu (-20.1%), tương đương 6,988 tỷ/phiên (-21.2%).

Ở nhóm dầu khí, GAS (+4.1%) tiếp tục tăng giá mạnh mẽ trong khi PVD (-10.4%) nằm sàn nhiều phiên sau báo cáo quý IV. Dù hoàn thành mục tiêu không lỗ nhưng nhờ vào hoàn nhập dự phòng quỹ phát triển khoa học và công nghệ, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của PVD vẫn lỗ 140 tỷ. Diễn kiến kém tích cực cũng diễn ra tương tự với các mã như PGD (-3.3%), PLX (-5.7%), PXS (-3.3%). Đối với bất động sản, ngoài cặp đôi VIC (+2.0%), VRE (+0.2%) duy trì được sắc xanh, các cổ phiếu vốn hóa trung bình cho thấy sự khởi sắc như DXG (+3.9%), HAR (+21.6%), HDG (+4.7%) trong khi KDH (-1.7%), FLC (-10.8%), NVL (-3.5%) lại có diễn biến trái chiều. Nhóm ngân hàng cũng có diễn biến tương tự trước áp lực chốt lời ở các mã đã tăng nóng như EIB (-0.2%), MBB (-1.4%), HDB (-2.1%), VCB (-2.5%) trong khi BID (+4.1%), VPB (+4.3%), CTG (+2.7%), STB (+3.9%) vẫn tăng điểm tích cực. Áp lực lớn nhất của chỉ số đến từ nhóm thực phẩm đồ uống MSN (-6.8%), VNM (-2.2%), BHN (-11.2%), SAB (-2.0%).

Diễn biến tương tự trên HNX, chỉ số HNX-Index chốt tuần tại 123.97 điểm (-2.25%), KLGĐ KL bình quân mỗi phiên đạt 80.6 triệu cổ phiếu, tương đương 1,344 tỷ/phiên (+4.9%).

Sau chuỗi tăng mạnh, dầu khí PVS (-16.3%), PLC (-8.9%), PVC (-7.7%), PGS (-1.8%), PVB (-7.6%) gây sức ép lớn nhất lên HNX-Index cùng với đà sụt giảm của vật liệu xây dựng VGC (-6.5%), VCS (-3.4%), HLY (-15.6%) và ngân hàng phân hóa NVB (-1.2%), ACB (-1.4%), SHB (+2.1%).

Khối ngoại chỉ còn mua ròng 39.2 tỷ đồng trên sàn HSX (-97.6%) trong tuần qua trong khi tiếp tục bán ròng 98.3 tỷ đồng trên sàn Hà Nội (+69.2%). Các mã được mua ròng nhiều nhất trên HSX là VIC (+310.3 tỷ), MWG (+146.0 tỷ), STB (+111.9 tỷ) và ở chiều bán ròng là VJC (-333.7 tỷ), HPG (-263.2 tỷ), VNM (-258.8 tỷ). Trên HNX, PVS (-83.7 tỷ), VGC (-21.5 tỷ), LAS (-2.2 tỷ) bị bán ròng khá mạnh và ở chiều ngược lại SHB (+30.0 tỷ) và SHS (+22.1 tỷ) được khối ngoại đổ tiền vào nhiều nhất.

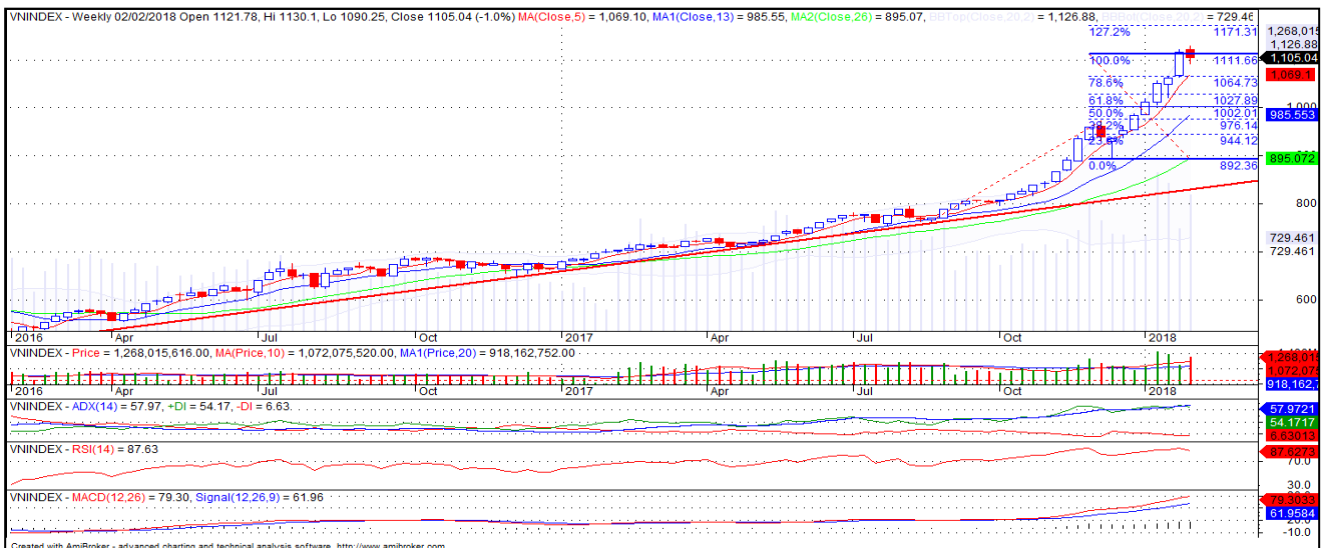
Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có tuần giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch tăng mạnh lên trên mức bình quân 10 và 20 tuần hàm ý áp lực chốt lời gia tăng. Mặc dù, xu hướng chính của chỉ số có thể vẫn là phục hồi, khi chỉ số vẫn đang đóng cửa trên hầu hết các đường MA quan trọng từ MA 20 tới MA 200, kèm theo chỉ báo xu hướng ADX nằm trên vùng 45 và đường +DI nằm trên -DI phát đi tín hiệu xác nhận xu hướng tăng vẫn còn. Tuy nhiên, khi quan sát kỹ, chỉ số đang cho tín hiệu nằm dưới MA 5, kèm theo chỉ báo MACD đi xuống cắt đường Signal phát đi tín hiệu bán đang hình thành, do đó, chỉ số có thể sẽ cần thêm một đợt điều chỉnh mang tính kỹ thuật trong tuần tới, nhằm củng cố cho xu hướng chính bền vững hơn. Ngưỡng hỗ trợ cho đợt điều chỉnh này có thể là vùng 1.065 điểm (MA20 và Fib 78.6). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số cũng có tuần giảm điểm trở lại, Chỉ số đi xuống đóng cửa dưới MA 5, kèm khối lượng giao dịch gia tăng cho thấy áp lực điều chỉnh có phần mạnh lên, ngưỡng hỗ trợ gần có thể là vùng 120 điểm (Fib 161.8). Nhìn chung, xu hướng chính của thị trường có thể vẫn là phục hồi. Tuy nhiên, áp lực điều chỉnh kỹ thuật của thị trường đang mạnh dần lên, thị trường có thể cần tiến xuống thử thách các vùng hỗ trợ thấp hơn, trước khi quay trở lại xu hướng chính. Do đó, nhà đầu tư ngắn hạn nên giữ tỷ trọng hợp lý nhằm tạo vị thế tốt trước biến động hiện tại của thị trường.

## Tổng quan thị trường

### Thị trường trong nước

Ngày tháng	Thứ 2 29/01	Thứ 3 30/01	Thứ 4 31/01	Thứ 5 01/02	Thứ 6 02/02	Tr. bình
<b>HOSE</b>	<b>1,109.80</b>	<b>1,110.56</b>	<b>1,110.36</b>	<b>1,099.67</b>	<b>1,105.04</b>	<b>1,107.09</b>
Thay đổi +/-	-5.84	0.76	-0.20	-10.69	5.37	-2.12
Thay đổi %	-0.52	0.07	-0.02	-0.96	0.49	-0.19
Khối lượng (tr.CP)	263.32	287.49	312.88	233.07	172.60	253.87
Giá trị (tỷ đồng)	7,502.1	8,059.4	8,336.9	5,978.1	5,065.8	6,988.4
Đầu tư nước ngoài	-286.9	-205.3	148.2	186.2	197.1	7.8
<b>HNX</b>	<b>127.35</b>	<b>127.36</b>	<b>125.90</b>	<b>123.15</b>	<b>123.97</b>	<b>125.55</b>
Thay đổi +/-	0.53	0.01	-1.46	-2.75	0.82	-0.57
Thay đổi %	0.42	0.01	-1.15	-2.18	0.67	-0.45
Khối lượng (tr.CP)	78.58	76.64	91.03	102.68	54.14	80.61
Giá trị (tỷ đồng)	1,253.3	1,334.7	1,651.7	1,653.1	829.0	1,344.36
Đầu tư nước ngoài	4.6	-29.3	-33.1	-48.1	7.74	3.70

### VN-Index



### HNX-Index



**TOP 10 mã cổ phiếu trong tuần**
**HOSE**
**Top 10 tăng giá**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
PMG	22.2	433.5	22.3%
HAR	9.4	10,477.0	21.6%
THG	43.0	97.9	14.5%
VPG	20.4	908.0	13.4%
VID	7.7	220.7	12.4%
HTV	16.9	2.4	11.8%
GIL	42.1	417.1	10.8%
FIT	7.6	8,331.8	10.4%
TLD	15.7	3,795.2	10.3%
HCM	82.0	2,672.2	9.1%

**Top 10 giảm giá**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
CLC	37.7	28.9	-41.6%
VHG	1.0	12,590.7	-23.5%
HTT	3.2	682.6	-22.9%
NVT	3.6	7,781.3	-20.9%
EMC	12.6	6.8	-16.4%
ICF	1.9	10.4	-16.3%
TSC	2.6	3,030.0	-16.3%
VMD	21.5	3.7	-15.9%
HVG	5.8	4,024.1	-14.9%
HAI	5.5	23,657.8	-13.5%

**Top 10 giá trị**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
STB	16.3	2,159.5	3.9%
HPG	61.1	1,738.7	-4.4%
VIC	87.2	1,582.7	2.0%
NVL	81.5	1,512.4	-3.5%
VJC	194.5	1,404.5	2.4%
HDB	46.0	1,391.0	-2.1%
MBB	31.0	1,368.2	-1.4%
VPB	54.2	1,316.4	4.3%
VNM	207.0	1,238.3	-2.2%
CTG	28.0	1,177.1	2.7%

**HNX**
**Top 10 tăng giá**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
LUT	3.0	144.3	42.3%
KHL	0.5	0.4	25.0%
LCS	3.3	86.6	20.8%
HJS	26.7	57.3	18.2%
BTS	5.3	0.4	17.1%
LM7	3.4	7.7	16.6%
V21	15.0	0.7	15.7%
PIV	6.6	3,336.3	15.6%
KTT	5.7	1.3	15.5%
PPY	21.9	0.3	15.1%

**Top 10 giảm giá**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
ARM	35.6	5.0	-39.6%
BDB	7.5	0.3	-27.4%
SSM	12.4	8.0	-27.2%
VMI	3.3	1,199.8	-25.3%
CTT	11.4	0.7	-23.1%
DST	3.4	20,005.3	-21.8%
KLF	2.4	11,809.1	-21.7%
SPI	2.6	3,174.2	-19.6%
ASA	2.9	532.9	-18.2%
OCH	5.2	9.4	-17.1%

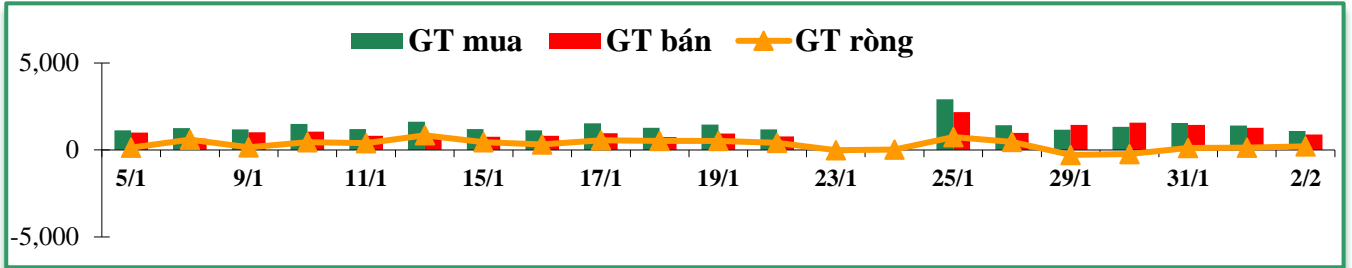
**Top 10 giá trị**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	12.6	1,982.2	2.1%
PVS	26.8	1,614.4	-16.3%
ACB	41.5	1,069.3	-1.4%
VCG	25.0	495.2	3.8%
PVI	37.6	416.3	2.2%
SHS	22.3	366.8	-1.5%
VGC	25.0	131.8	-6.5%
SHN	10.3	127.6	-2.8%
HUT	10.4	108.1	-2.7%
DST	3.4	75.8	-21.8%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	KL mua		KL bán		GT mua		GT bán		Mua-Bán Tỷ đồng
	Triệu CP	% +/-	Triệu CP	% +/-	Tỷ đồng	% +/-	Tỷ đồng	% +/-	
HOSE	129.7	14%	103.8	51%	6,352.3	17%	6,313.1	68%	39.2
HNX	152.9	1694%	105.7	965%	211.1	33%	309.4	43%	-98.3
Tổng	282.6	132%	209.6	167%	6563.5	18%	6622.5	67%	-59.0

### Biểu đồ giao dịch nhà đầu tư nước ngoài



### HOSE

#### Top 10 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	87.2	310.3	2.0%
MWG	126.6	146.0	0.0%
STB	16.3	111.9	3.9%
PLX	87.8	96.2	-5.7%
HSG	25.8	90.1	1.4%
PVT	19.5	89.3	4.6%
VRE	55.1	87.4	0.2%
KDC	44.4	80.2	0.5%
TTF	7.5	63.4	-9.9%
PVD	26.5	60.6	-10.4%

#### Top 10 bán ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VJC	194.5	(333.7)	2.4%
HPG	61.1	(263.2)	-4.4%
VNM	207.0	(258.8)	-2.2%
CTD	186.0	(143.1)	-2.2%
VCB	67.4	(106.4)	-2.5%
HDB	46.0	(94.3)	-2.1%
VND	29.0	(61.3)	-0.5%
KBC	13.1	(52.3)	-11.0%
DHG	95.2	(52.0)	-6.6%
SBT	20.8	(44.8)	-5.2%

### HNX

#### Top 10 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	12.6	30.0	2.1%
SHS	22.3	22.1	-1.5%
VCG	25.0	7.3	3.8%
VPI	37.7	5.0	-1.3%
MAS	86.0	2.0	-1.6%
HUT	10.4	1.9	-2.7%
PGS	34.0	1.5	-1.8%
PVC	11.6	1.1	-7.7%
VNR	22.9	1.0	1.8%
TNG	14.7	0.8	-6.5%

#### Top 10 bán ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	26.8	(83.7)	-16.3%
VGC	25.0	(21.5)	-6.5%
LAS	13.8	(2.2)	-0.7%
PHP	13.1	(2.0)	3.9%
VCC	10.8	(1.5)	-13.1%
PLC	22.0	(1.2)	-8.9%
CSC	27.4	(1.0)	-1.1%
LHC	58.0	(0.8)	-0.3%
VMI	3.3	(0.7)	-25.3%
NET	25.0	(0.7)	0.0%

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UNIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801